

Số: /2026/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

## QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 000/TTr-STC ngày 00 tháng 00 năm 2026 đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh Quy định mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk,

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định mức nộp tiền vào ngân sách nhà nước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 6 Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm Nghị định số 151/2025/NĐ-CP và quy định của pháp luật về đất đai có liên quan.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp;

b) Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị có liên quan đến việc xác định, thu, nộp và quản lý khoản tiền quy định tại Quyết định này.

## **Điều 2. Mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp**

1. Mức nộp tiền khi chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng 50% (năm mươi phần trăm) số tiền được xác định theo quy định tại khoản 6 Mục I Phần III Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP.

2. Số tiền phải nộp được xác định theo công thức

Số tiền phải nộp = Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích x Giá đất trồng lúa theo Bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích x 50%.

Trong đó:

a) Giá đất trồng lúa để tính số tiền phải nộp là giá đất theo Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đang có hiệu lực tại thời điểm quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Diện tích đất chuyên trồng lúa chuyển mục đích được xác định theo hồ sơ địa chính và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khoản tiền thu được từ việc chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; theo dõi biến động thực tiễn, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức nộp khi cần thiết theo đề xuất của cơ quan, tổ chức, đơn vị đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và tình hình phát triển kinh tế - xã hội thực tế của địa phương.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì xác định diện tích đất chuyển mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa sang mục đích phi nông nghiệp; phối hợp cung cấp thông tin về hiện trạng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ việc xác định nghĩa vụ tài chính.

3. Cơ quan Thuế tỉnh Đắk Lắk tổ chức xác định, thông báo và thu nộp khoản tiền theo đúng quy định; đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện và kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc phát sinh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính).

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời phản ánh khó khăn,

vướng mắc phát sinh về Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính).

#### **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2026.
2. Quyết định này bãi bỏ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc quy định mức nộp tiền khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức nộp tiền để Nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục QLГ - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND và Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Báo Đắk Lắk; TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng CM thuộc VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT (        ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**